

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ R
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 26/4/2023

“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ R, TỈNH BẠC LIÊU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Thị Mỹ Phượng

2. Ông Lương Chí Nguyễn

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Khắc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã R, tỉnh Bạc Liêu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã R, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:**
Bà Nguyễn Mộng Đẹp - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã R, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 58/2023/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị H, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp O, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- **Bị đơn:** Anh Sơn Q, sinh năm 1988

Địa chỉ: Khóm X, phường H, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu.

(*chị H có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Q vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày: Chị H và anh Sơn Q tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 02/02/2017, tại Ủy ban nhân dân xã Ấp O, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị có 02 con chung: Cháu Sơn Thị Hồng V, sinh ngày 25/9/2015; Sơn Thị Thúy

O, sinh ngày 21/6/2013. Thời gian chung sống anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh Q cũng thường xuyên đánh đập chị H, nên chị H đã bỏ nhà về sống chung với cha mẹ ruột tại Trà Vinh đến nay đã được 01 năm 4 tháng. Nay, chị H nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh Q không hạnh phúc, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Q. Về con chung khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Sơn Thị Thúy O, đồng ý giao cháu Sơn Thị Hồng V cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng và chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, cũng không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung chị H xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Sơn Q đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng như vắng mặt tại phiên tòa xét xử, nên Toà án không thể ghi nhận ý kiến của anh Q.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thực hiện đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định đảm bảo quyền lợi cho những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Từ khi thụ lý đến khi xét xử nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, còn bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng không có lý do là chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị H được ly hôn với anh Q. Về con chung giao cháu Sơn Thị Thúy O, sinh ngày 21/6/2013 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Sơn Thị Hồng V, sinh ngày 25/9/2015 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, anh Q và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con do không có yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã R, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị H và anh Q tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/02/2017 theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nay chị H khởi kiện đề nghị Tòa

án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q và được nuôi con đây thuộc quan hệ “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn*”, anh Q hiện đang cư trú tại Khóm X, phường Y, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã R theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị H là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Q là bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và nguyên đơn.

[3] Về hôn nhân:

[3.1] Sau khi kết hôn hợp pháp, chị H và anh Q sống với nhau hòa thuận một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, anh Q thường xuyên đánh đập, bạo hành chị H, nên chị đã bỏ nhà về Trà Vinh sống cùng cha mẹ ruột chị đến nay đã được 1 năm 4 tháng. Trong thời gian sống ly thân giữa chị và anh Q không quan tâm đến đời sống của nhau, anh Q có gọi điện thoại và lên thăm con, ngoài ra không quan tâm đến chị. Hiện nay chị H xác định vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, đời sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị H đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Q.

[3.2] Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án đã hòa giải để chị H và anh Q đoàn tụ nhưng chị H cương quyết ly hôn vì nhận thấy không còn tình cảm, cả hai không còn quan tâm nhau, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Còn anh Q mặc dù đã được triệu tập hợp lệ để tham gia hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do, nên không thể ghi nhận ý kiến của anh Q. Mặc khác, hôn nhân phải dựa trên cơ sở tình yêu thương của cả hai vợ chồng, nhưng chị H cương quyết xin ly hôn, giữa chị và anh Q cũng sống ly thân thời gian dài, vì vậy có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của anh chị đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay của anh chị.

[4] Về con chung: Chị H và anh Q có 02 con chung là cháu Sơn Thị H Vân, sinh ngày 25/9/2015; Sơn Thị Thúy O, sinh ngày 21/6/2013, khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thúy O, đồng ý giao cháu Hồng V cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng vì từ nhỏ đến nay cháu Hồng V sống với anh Q, còn cháu Thúy Oanh thì sống với chị và hiện tại cháu O cũng đang học tại Trà Vinh. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ biên bản xác minh Trưởng khóm X, phường Y, thị xã R xác định hiện tại cháu Hồng V sống cùng anh Q, cháu phát triển bình thường. Cũng tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu Thúy O, ngày 14/02/2023, thì cháu Thúy O có nguyện vọng sống chung với chị H vì từ nhỏ đến nay cháu sống với mẹ, hiện tại cháu được chị H cho đi học và phát triển tốt. Hội đồng xét xử xét thấy, để tránh làm sáo trộn đời sống và sự phát triển tâm sinh lý của các cháu, ghi nhận nguyện vọng của các cháu, cũng như kinh tế của chị

H và anh Q. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ giao cháu Sơn Thị Hồng V, sinh ngày 25/9/2015 cho anh Sơn Q được trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Sơn Thị Thúy O, sinh ngày 21/6/2013 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Q và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con do không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không có căn cứ xem xét giải quyết.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã R là phù hợp với quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng chị H phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H được ly hôn với anh Sơn Q.

2. Về con chung: Giao cháu Sơn Thị Thúy O, sinh ngày 21/6/2013 cho chị Trần Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; cháu Thúy Oanh hiện tại sống với chị H nên được giữ nguyên. Giao cháu cháu Sơn Thị Hồng V, sinh ngày 25/6/2015 cho anh Sơn Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; cháu Hồng V hiện tại đang sống với anh Q nên được giữ nguyên.

2.1. Anh Sơn Q và chị Trần Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con do không yêu cầu.

2.2 Anh Sơn Q và chị Trần Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm buộc chị Trần Thị H có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị Trần Thị H đã nộp tạm ứng án

phí 300.000 đồng tại Biên lai thu số: 0004688, ngày 14/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã R, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí toàn bộ.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND cùng cấp;
- CCTHADS cùng cấp;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thúy